TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 271/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18/5/2023
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Mẫn
Ông Danh Tuấn

- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- ***Đại diện Viện kiểm s át nhân dân huyện Giồng Riềng :*** *Không tham gia phiên tòa*

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 78/2023/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 2 năm 2023 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 121/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa :

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm: 1984; địa chỉ: khu phố V, thị trấn G, huyện G, tỉnh K (có mặt).

2.Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp khu phố V, thị trấn G, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Th trình bày:

Chị và anh Trần Văn H trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào ngày 30/7/1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G vào ngày 30/4/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, chị phát hiện anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị có khuyên nhủ nhưng anh H không chịu từ bỏ và sống chung với phụ nữ khác. Sau đó, anh H công khai mối quan hệ, chị thấy rằng tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mạnh ai người đó sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau nên chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị xin được ly hôn với anh Trần Văn H; Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Mỹ Q, sinh ngày 28/4/2000, Trần Thị Mỹ Q,

sinh ngày 21/11/2005, Trần Minh Q, sinh ngày 27/9/2007, con tên Q đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; con tên Q và Q hiện đang ở với chị, chị xin được nuôi 02 cháu không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/3/2022 anh Trần Văn H trình bày: Anh và chị Th trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1999, có đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống mà không thể điều hòa được. Nay chị Th xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn; Về con chung: Có 03 con chung như lời trình bày của chị Th, đứa lớn đã trưởng thành, còn lại 02 đứa nhỏ anh đồng ý giao cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung , nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim Th yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn , nuôi con chung" giữa chị và anh H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Anh Trần Văn H đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng, anh đã nộp bản tự khai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của anh H không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Chị Nguyễn Thị Kim Th và anh Trần Văn H trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào ngày 30/7/1999, anh chị có đăng kí kết hôn vào ngày 30/7/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh K nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, theo như lời trình bày của chị Th, anh H có quan hệ ngoại tình, chị cũng đã cho anh H nhiều cơ hội để sửa chữa, vợ chồng cũng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị Th và anh H đã sống ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, bền vững lâu dài, vợ chồng cùng quan tâm chăm sóc lẫn nhau, kể từ khi chị Th và anh H sống ly thân cho đến nay anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại bản tự khai đề ngày 09/3/2022 anh Trần Văn H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim Th được ly hôn với anh Trần Văn H.

{2.2} Về con chung : Vợ chồng anh chị xác định có 03 người con chung tên Trần Thị Mỹ Q, sinh ngày 28/4/2000, Trần Thị Mỹ Q, sinh ngày 21/11/2005, Trần Minh Q, sinh ngày 27/9/2007, con tên Q đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải

quyết; con tên Q và Q hiện đang với chị Th, chị xin được nuôi 02 cháu không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Tại bản tự khai anh H đồng ý giao hai cháu cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Th và anh H là giao 02 cháu cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

{2.3} Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Th là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

{2.4} Về tài sản chung , nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Kim Th phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 3457 ngày 07/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng . Chị Th đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim Th được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Ghi nhận việc chị Th và anh H thỏa thuận là anh Hi giao cháu Trần Thị Mỹ Q, sinh ngày 21/11/2005, Trần Minh Q, sinh ngày 27/9/2007 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Hải không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền đến thăm nom , chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí : Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Kim Th phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 3457 ngày 07/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị Th đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị Th được tính kể ngày tuyên án (ngày 18/5/2023). Anh H được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp